TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày 04-5-2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bạch L, sinh năm: 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 17, khu phố K, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Cảnh S, sinh năm: 1960; văn bản ủy quyền ngày 29-11-2019 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, thôn 1, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 170 ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn S, sinh năm: 1962 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 170 ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Bạch L và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh S trình bày:

Do cần vốn để làm ăn bà Nguyễn Thị Ngọc T đến gặp ông Nguyễn Bạch L hỏi vay số tiền 150.000.0000đ, qua trao đổi ông L đồng ý cho bà T vay số tiền nói trên.

Ngày 13-6-2018, tại Văn phòng công chứng Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hai bên thỏa thuận ký hợp đồng vay tiền với nội dung, ông L cho bà T vay 150.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất các bên thỏa thuận không trái quy định của pháp luật (6%/tháng, nhưng không ghi trong hợp đồng). Hợp đồng được Văn phòng công chứng Bà Rịa công chứng số 01228, quyển số 1E/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13-6-2018.

Để bảo đảm cho khoản vay, bà T thế chấp cho ông L quyền sử dụng diện tích đất 14.401m^2 gồm 28 thửa thuộc tờ bản đồ số 07 xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 411921 do Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22-10-2009 cho ông S và bà T, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập thành văn bản nhưng không được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật và không thể hiện ngày tháng năm ký kết.

Sau khi ký hợp đồng vay tiền, tại Văn phòng công chứng Bà Rịa ông L đã giao đủ 150.000.000đ cho bà T và bà T giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 411921 ngày 22-10-2009 cho ông L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T chỉ thanh toán cho ông L được 01 tháng tiền lãi đầu tiên với số tiền 9.000.000đ, sau đó không thực hiện việc thanh toán tiền lãi cũng như tiền gốc cho ông L theo thỏa thuận.

Theo ông L khoản vay này bà T dùng vào mục đích để mua xe Buýt để kinh doanh vận tải hành khách nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông S, bà T.

Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông S, bà T phải liên đới phải thanh toán nợ gốc 150.000.000đ và tiền lãi theo thỏa thuận với lãi suất 6%/tháng. Trường hợp vợ chồng ông S, bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nói trên thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo Bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Ngày 13-6-2018, bà Nguyễn Thị Ngọc T ký hợp đồng vay của ông Nguyễn

Bạch L 150.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất các bên thỏa thuận không trái quy định của pháp luật (6%/tháng, nhưng không ghi trong hợp đồng). Hợp đồng được Văn phòng công chứng Bà Rịa công chứng số 01228, quyển số 1E/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13-6-2018.

Để bảo đảm cho khoản vay này bà T thế chấp cho ông L quyền sử dụng diện tích đất 14.401m^2 gồm 28 thửa thuộc tờ bản đồ số 07 xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 411921 do Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22-10-2009 cho ông S và bà, hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản nhưng không được công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng ông L đã giao cho bà T đủ 150.000.000đ và bà T giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 411921 do Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22-10-2009 cho ông L giữ.

Trong quá trình thực hiện thỏa thuận bà T nhiều lần thanh toán cho ông L được khoảng 15.000.000đ tiền lãi, nhưng không làm giấy tờ gì còn tiền gốc chưa thanh toán được đồng nào.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T đồng ý thanh toán cho ông L 150.000.000đ tiền gốc, còn tiền lãi xin được trả theo lãi suất do pháp luật quy định và xin được trả dần 5.000.000đ/tháng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Đối với số tiền lãi đã thanh toán cho ông L, bà T không có ý kiến gì.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bà T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo Biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn S trình bày:

Ông Võ Văn S là chồng của bà Nguyễn Thị Ngọc T, nhưng hiện nay bà T đi làm ăn ở Đồng Nai thỉnh thoảng mới về nhà. Theo ông S được biết có việc bà T có vay tiền của ông Nguyễn Bạch L một số tiền nhưng không biết cụ thể là vay bao nhiêu, chỉ nghe nói hàng tháng bà T phải trả cho ông L 10.000.0000đ.

Việc vay mượn giữa ông L với bà T không liên quan đến ông S, trước đây để tạo điều kiện cho bà T có vốn làm ăn, ông S có làm văn bản ủy quyền cho bà T thay mặt mình liên hệ với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Long Điền để thực hiện thủ tục hồ sơ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số: Có 28 thửa, tờ bản đồ số 07 diện tích 14.401m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 411921 xã Long Tâm, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22-10-2009 cho ông và bà T để vay vốn làm ăn, nhưng bà T không vay tiền tại ngân hàng mà thế chấp cho ông L vay tiền. Việc ông L cho bà T vay tiền không liên quan đến ông S nên ông S không có trách nhiệm phải thanh toán cho ông L. Giữa ông S và bà T có mối quan hệ vợ chồng hợp pháp nhưng trên thực tế đã sống ly thân khoảng 20 năm nay, chỉ khi nào

cần việc gì đó thì bà T mới về nhờ ông S ký giấy tờ để phục vụ cho việc làm ăn. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà T thế chấp cho ông L trước đây đã bị mất nên bà T đi xin cấp lại do đó ông S không liên quan gì, nếu có tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do bản thân sức khỏe yếu, mắt kém không thể đến Tòa án làm việc theo yêu cầu nên ông S yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng chưa nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng áp dụng các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà T phải thanh toán 89.022.000đ tiền lãi.

+ Buộc bà T phải trả cho ông Nguyễn Bạch L 150.000.000đ tiền gốc và 45.978.000đ tiền lãi.

+ Ông phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN411921 do UBND huyện Đất Đỏ cấp cho ông S, bà T ngày 22-10-2009 cho ông S bà T.

+ Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Bạch L buộc ông Võ Văn S cùng liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Bạch L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải thanh toán

nợ gốc 150.000.000đ và nợ lãi theo Hợp đồng vay tiền ngày 13-6-2018 được xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn S vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông S theo quy định của pháp luật.

[3] Qúa trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 13-6-2018, tại Văn phòng công chứng Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ông Nguyễn Bạch L đồng ý cho bà Nguyễn Thị Ngọc T vay 150.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất do các bên thỏa thuận không trái quy định của pháp luật (thỏa thuận miệng lãi suất 6%/tháng). Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 01228, quyển số 1E/2018/TP-CC-SCC/HĐGD cùng ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên ông L có đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi. Căn cứ vào chứng cứ do phía ông L cung cấp cũng như sự thừa nhận của bà T trong qúa trình tố tụng thì Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định ngày 13-6-2018, ông L cho bà T vay số tiền 150.000.000đ với lãi suất 6%/tháng, đã quá thời hạn thanh toán nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở chấp nhận đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy: Tại hợp đồng vay tiền ngày 13-6-2018, không thể hiện lãi suất cho vay nhưng trong quá trình tố tụng các bên thừa nhận lãi suất thỏa thuận 6%/tháng. Như vậy, mức lãi suất do các bên thỏa thuận tương đương 72%/năm là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tại đơn khởi kiện, ông L yêu cầu ông S, bà T phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 6%/tháng, nhưng trong qúa trình tố tụng ông L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi chỉ yêu cầu thanh toán tiền lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận, theo đó tiền lãi phải thanh toán: Từ ngày 13-6-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04-5-2020 là 22 tháng 22 ngày, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu làm tròn thành 22 tháng, như vậy tiền lãi phải thanh toán: (150.000.000đ x 1,666%/tháng x 22 tháng) = 54.978.000đ. Bà T cho rằng đã thanh toán cho ông L được 15.000.000đ tiền lãi nhưng không có tài

liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã thanh toán trong khi đó ông L chỉ thừa nhận mới được bà T thanh toán 9.000.000đ tiền lãi. Vì vậy, số tiền lãi bà T còn phải thanh toán cho ông L 54.978.000đ – 9.000.000đ = 45.978.000đ.

[6] Xét yêu cầu của ông L về việc yêu cầu Tòa án buộc ông S có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ thì thấy: Tại Hợp đồng vay tiền ngày 13-6-2018 chỉ có một mình bà T ký tên vay tiền không có ông S tham gia, ông S không thừa nhận quan hệ vay mượn này có liên quan đến mình. Tại Giấy ủy quyền ngày 12-6-2018, ông S chỉ ủy quyền cho bà T thế chấp 28 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 07 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 411921 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 22-10-2009 cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Long Điền chứ không ủy quyền cho bà T thế chấp cho ông L để vay tiền và trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông L không chứng minh được việc bà T vay tiền về để sử dụng vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình mà chỉ nêu là để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe Buyt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không đủ cơ sở để buộc ông S có nghĩa vụ liên đới thanh toán mà chỉ tuyên buộc bà T có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì thấy: Để bảo đảm cho khoản vay bà T đã thế chấp cho ông L quyền sử dụng diện tích đất 14.401m^2 gồm 28 thửa thuộc tờ bản đồ số 07 xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 411921 do Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22-10-2009 cho ông S, bà T. Tuy nhiên, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất không được công chứng, chứng thực và không tuân thủ các quy định của pháp luật nên không phát sinh hiệu lực. Vì vậy, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Hiện nay, ông L đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 411921 do Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22-10-2009 cho ông S, bà T là trái với ý chí của ông S nên ông L có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà T.

[9] Từ những nhận định và phân tích nêu trên cần tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch L, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả số tiền 195.978.000đ (trong đó nợ gốc 150.000.000đ và nợ lãi 45.978.000đ).

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch L được Tòa án chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 195.978.000đ x 5% = 9.798.900đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 227, 228, 244 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch L về việc yêu cầu ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị Ngọc T thanh toán 89.022.000 (tám mươi chín triệu, không trăm hai mươi hai ngàn) đồng tiền lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch L đối với bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Bạch L 195.978.000 (một trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi tám ngàn) đồng (trong đó nợ gốc 150.000.000đ và nợ lãi 45.978.000đ), theo Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 01228, quyển số 1E/2018/TP-CC-SCC/HĐGD ngày 13-6-2018.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch L về việc yêu cầu ông Võ Văn S liên đới thanh toán số tiền 195.978.000 (một trăm chín mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi tám ngàn) đồng (trong đó nợ gốc 150.000.000đ và nợ lãi 45.978.000đ).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bạch L về việc yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 14.401m^2 gồm 28 thửa thuộc tờ bản đồ số 07 xã Long Tân, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 411921 do Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 22-10-2009 cho ông Võ Văn S và bà Nguyễn Thị Ngọc T để thu hồi nợ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 9.798.900 (chín triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Bạch L 7.350.000 (bảy triệu, ba trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0002606 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- Hội Công chứng viên tỉnh BR-VT;
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Hoàng Đức